

Số: /QĐ-SYT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề đối với
Trạm Y tế phường Thủy Hà (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên)**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 12/05/2025 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định 610/QĐ-SYT ngày 07/05/2025 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y dược tư nhân, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Trạm Y tế phường Thủy Hà (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên);
- Địa chỉ: Tổ dân phố Tây Trại , phường Thủy Hà , thành phố Thủy Nguyên , Thành phố hải Phòng;
- Hình thức tổ chức: Trạm Y tế;
- Số GPHĐ: 000867/HP-GPHĐ do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Y sỹ Phạm Thị Kim Lương;
Số CCHN: 011102/HP-CCHN do Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 02/08/2019;
- Thời gian hoạt động: 24/24 giờ.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Trạm Y tế

- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 51 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (*chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo*).

- Danh sách đăng ký hành nghề tại cơ sở (*chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo*).

Trạm Y tế phường Thủy Hà (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên) có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược tư nhân, Nghiệp vụ Y, Thanh tra Sở Y tế, Phòng Y tế Thành phố Thủy Nguyên và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD và PGD Trần Quốc Trinh;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHN (02).

GIÁM ĐỐC

Lê Minh Quang

**PHỤ LỤC 01: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN
THỰC HIỆN TẠI Trạm Y tế phường Thủy Hà (thuộc Trung tâm Y tế Thành
phố Thủy Nguyên)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế
Hải Phòng)

STT	STT theo tt 23	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên Kỹ thuật (cột 4)
1	64	1.64	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
2	158	1.158	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
3	160	1.160	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
4	223	1.223	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt ống thông hậu môn
5	252	1.252	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch
6	269	1.269	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
7	270	1.270	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
8	275	1.275	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng bó vết thương
9	276	1.276	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
10	277	1.277	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
11	281	1.281	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)
12	403	2.1	02. NỘI KHOA	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
13	741	2.339	02. NỘI KHOA	Thụt tháo phân
14	1226	3.105	03. NHI KHOA	Thổi ngạt
15	1233	3.112	03. NHI KHOA	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
16	3363	3.2245	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ
17	3505	3.2387	03. NHI KHOA	Tiêm trong da
18	3506	3.2388	03. NHI KHOA	Tiêm dưới da
19	3507	3.2389	03. NHI KHOA	Tiêm bắp thịt
20	4944	3.3826	03. NHI KHOA	Thay băng, cắt chỉ vết mổ
21	4945	3.3827	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm
22	5027	3.3909	03. NHI KHOA	Trích rạch áp xe nhỏ

23	5937	8.2	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Hào châm
24	5943	8.8	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Ôn châm
25	5944	8.9	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu
26	5945	8.10	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chích lẻ
27	5961	8.26	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Bó thuốc
28	5962	8.27	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chườm ngải
29	6326	8.391	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
30	6341	8.406	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm can suy nhược
31	6349	8.414	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
32	6363	8.428	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp
33	6366	8.431	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai
34	13358	13.33	13. PHỤ SẢN	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
35	13359	13.34	13. PHỤ SẢN	Cắt và khâu tầng sinh môn
36	13365	13.40	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
37	13366	13.41	13. PHỤ SẢN	Khám thai
38	13490	13.165	13. PHỤ SẢN	Khám phụ khoa
39	13492	13.167	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc âm đạo
40	13803	14.200	14. MẮT	Lấy dị vật kết mạc
41	13809	14.206	14. MẮT	Bơm rửa lệ đạo
42	13810	14.207	14. MẮT	Trích chấp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc
43	13814	14.211	14. MẮT	Rửa cùng đồ
44	13863	14.260	14. MẮT	Đo thị lực
45	13968	15.56	15. TAI MŨI HỌNG	Chọc hút dịch vành tai
46	14134	15.222	15. TAI MŨI HỌNG	Khí dung mũi họng
47	14213	15.301	15. TAI MŨI HỌNG	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
48	14216	15.304	15. TAI MŨI HỌNG	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
49	14741	17.11	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng tia hồng ngoại
50	16301	21.13	21. THĂM DÒ CHỨC NĂNG	Nghiệm pháp dây thắt

51	19075	28.163	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản
----	-------	--------	------------------------------------	---

PHỤ LỤC 02: PHÊ DUYỆT DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI Trạm Y tế phường Thủy Hà (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế Hải Phòng)

S T T	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
1	Bùi Dương Ngọc	012829/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	8h/ngày (từ 7h-17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Bác sỹ, Trạm trưởng	Không	
2	Phạm Thị Kim Lương	011102/HP-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại TT liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, bác sỹ, bác sỹ dự phòng, Y sỹ	8h/ngày (từ 7h-17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Y sỹ , người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật	Không	
3	Nguyễn Thị Bích Ngọc	007413/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	8h/ngày (từ 7h-17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Bác sỹ, Trạm phó	Không	
4	Nguyễn Thị Hương	001182/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề	8h/ngày (từ 7h-17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Nữ hộ sinh	Không	

			ng nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y				
5	Bùi Thị Thanh Huyền	012949/HP- CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại TT liên tịch số 10/2015/TTLT- BYT BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, bác sỹ, bác sĩ dự phòng, Y sĩ	8h/ngày (từ 7h-17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Y sỹ	Không	
6	Nguyễn Thị Trang	001183/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	8h/ngày (từ 7h-17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng	Không	
7	Bùi Thị Liên	002131/HP- CCHN	Dịch vụ y tế	8h/ngày (từ 7h-17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng	Không	

